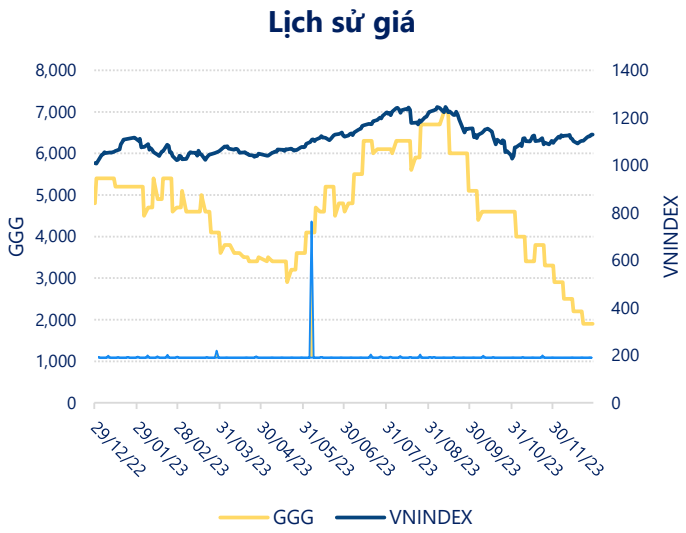
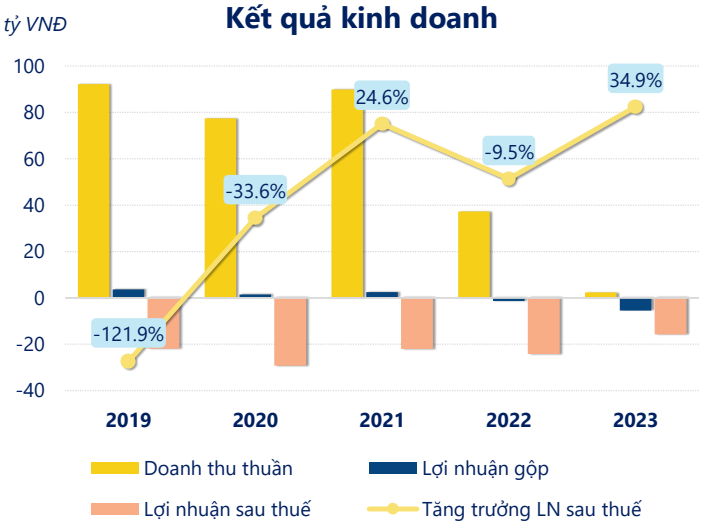
KẾT QUẢ KINH DOANH

Ngày 29/12/2023	1,900 VNĐ		
Thay đổi	*1 tháng*	*3 tháng*	*6 tháng*
	-	-	-

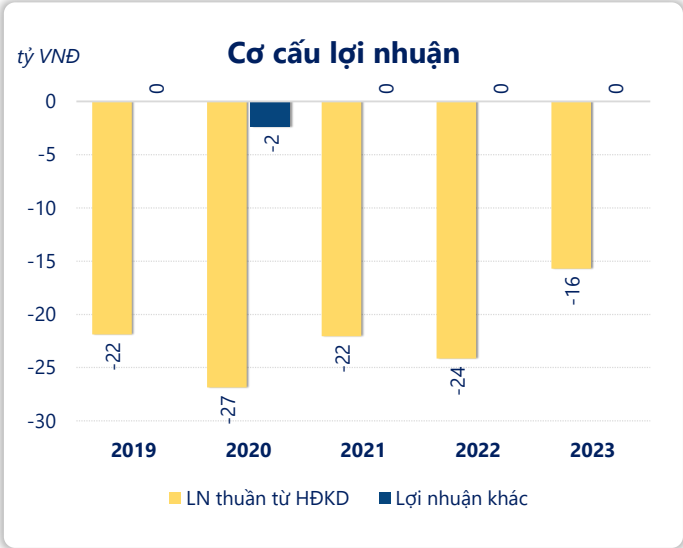


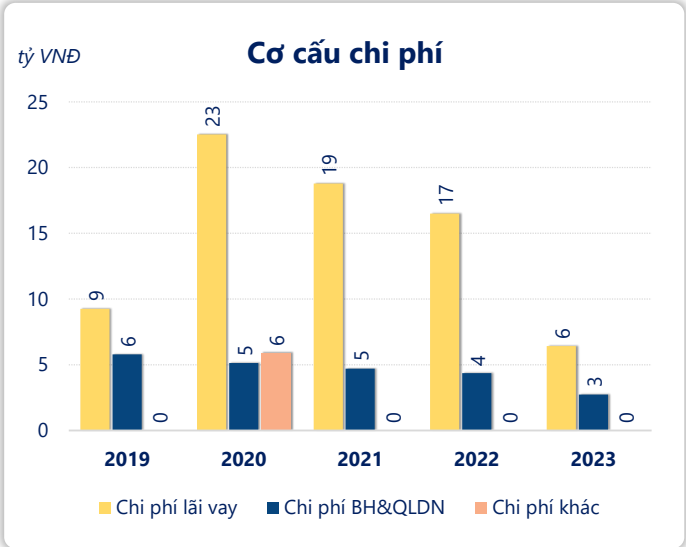
	2023	YoY
DT thuần	**2.39** *tỷ VNĐ*	▼ 34.8 ▼ 93.6%
LN gộp	**-5.44** *tỷ VNĐ*	▼ 4.08 ▼ 301%
LN thuần	**-15.7** *tỷ VNĐ*	▲ 8.40 ▲ 34.9%
LN sau thuế	**-15.7** *tỷ VNĐ*	▲ 8.40 ▲ 34.9%
ROE	**66.1%**	+/- YoY ▲ 42.5%
ROA	**-30.1%**	+/- YoY ▲ 6.8%



Kết quả kinh doanh **GGG** năm **2023**, doanh thu thuần **giảm mạnh 93.6%** chỉ còn **2.39** tỷ đồng, lợi nhuận sau thuế **tăng mạnh 34.9%** đạt **-15.71** tỷ đồng.

Sự sụt giảm về doanh thu cùng với lợi nhuận âm, dẫn đến **ROE** bằng 66.1% là dấu hiệu cảnh báo của tình hình kinh doanh đang xấu đi.

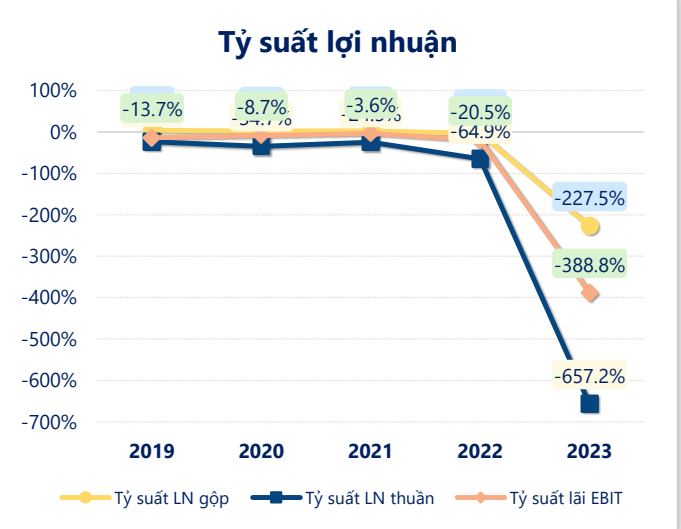


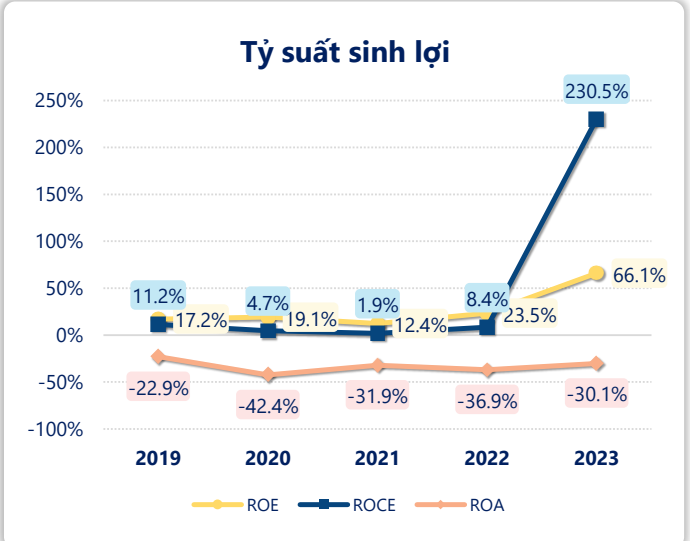


Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh của **GGG** năm **2023 tăng lên 8.43** tỷ so với năm trước, nhưng vẫn lỗ 15.71 tỷ đồng. Khoản lỗ lớn nhất từ hoạt động kinh doanh trong 5 năm trở lại đây ghi nhận vào năm **2020** là 26.87 tỷ đồng. Cho thấy dấu hiệu tiêu cực trong hoạt động kinh doanh của công ty trong những năm gần đây.

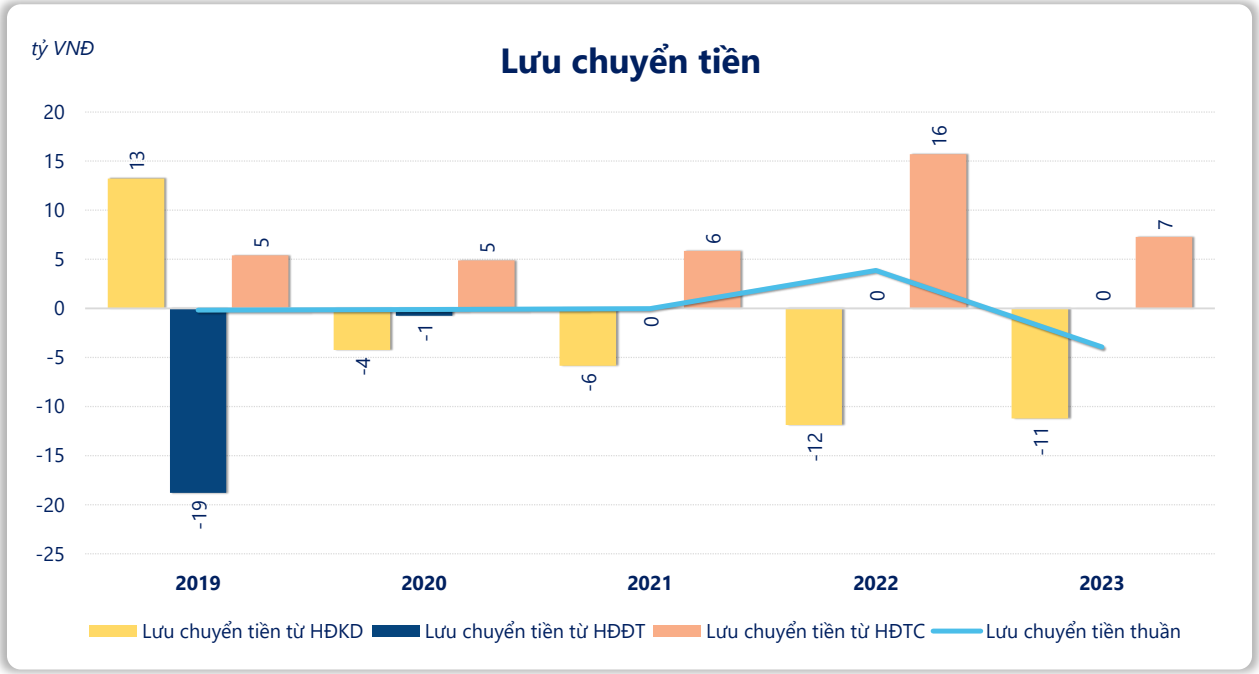
Chi phí lãi vay giảm xuống so với năm trước, còn **6.42** tỷ đồng. Cùng với đó **chi phí bán hàng và quản lý doanh nghiệp** cũng **giảm xuống** còn **2.73** tỷ đồng. Bên cạnh đó, **chi phí khác** bằng **0.00** tỷ đồng, **tăng lên** so với năm trước.

ROE của GGG năm 2023 **tăng trưởng** so với năm trước đạt giá trị bằng **66.1%**, đây là mức ROE **cao nhất** trong vòng 5 năm gần đây.





KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	2019	2020	2021	2022	2023
Doanh thu thuần	**92.2**	**77.5**	**89.9**	**37.2**	**2.39**
Giá vốn hàng bán	88.5	76.0	87.4	38.6	7.83
Lợi nhuận gộp	**3.68**	**1.53**	**2.49**	**-1.36**	**-5.44**
Doanh thu HĐTC	0.00	0.00	0.01	0.00	0.01
Chi phí TC	19.8	23.3	19.9	18.4	7.55
Chi phí lãi vay	**9.26**	**22.5**	**18.8**	**16.5**	**6.42**
LN trong công ty LKLD	0	0	0	0	0
Chi phí bán hàng	1.14	0.49	0.38	0.79	0.12
Chi phí QLDN	4.65	4.64	4.31	3.57	2.61
LN thuần từ HĐKD	**-21.9**	**-26.9**	**-22.0**	**-24.1**	**-15.7**
Lợi nhuận khác	0.00	-2.36	0.00	0	0.00
LN trước thuế	**-21.9**	**-29.2**	**-22.0**	**-24.1**	**-15.7**
Lợi nhuận sau thuế	**-21.9**	**-29.2**	**-22.0**	**-24.1**	**-15.7**
LNST của CĐ cty mẹ	**-21.9**	**-29.2**	**-22.0**	**-24.1**	**-15.7**



Lưu chuyển tiền thuần năm 2023 của GGG bằng **-3.93** tỷ đồng, **giảm** so với năm 2022 (3.86 tỷ đồng). Trong đó, lưu chuyển tiền từ **hoạt động kinh doanh** bằng **-11.21** tỷ đồng, từ **hoạt động đầu tư** là **0.01** tỷ đồng và từ **hoạt động tài chính** là **7.27** tỷ đồng.